

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

Bản án số: 11/2023/DS-PT

Ngày 06 - 7 - 2023

V/v Tranh chấp chia thừa
kế quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Loan;

Ông Lâm Anh Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Bà Vương Thị Chiêm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/6/2023 và 06/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp chia thừa kế là quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Mạnh Ch; địa chỉ: Tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đàm Thị Nh. Địa chỉ: Tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị N; cùng địa chỉ: Tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang;

- Bà Hoàng Thị D; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện VX, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị D: Ông Hoàng Mạnh Ch; địa chỉ: Tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Anh Hoàng Thế H2; địa chỉ: Tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đàm Thị Nh; địa chỉ: Tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng Mạnh Ch, bị đơn bà Đàm Thị Nh.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Hoàng Mạnh Ch trình bày: Cụ Hoàng Thế Th (chết năm 1999) và cụ Nguyễn Thị V (chết năm 1987) có 06 người con gồm:

1. Hoàng Thị N, sinh năm 1967;
2. Hoàng Đức T, sinh năm 1969;
3. Hoàng Mạnh Ch, sinh năm 1970;
4. Hoàng Tý Ng, sinh năm 1972 (chết năm 2017). Ông Ng lập gia đình lấy vợ bà Đàm Thị Nh và sinh 01 người con Hoàng Thế H2, là hàng thừa kế thứ nhất của ông Ng;
5. Hoàng Thị D, sinh năm 1974;
6. Hoàng Thị H1, sinh năm 1978.

Khoảng trước năm 1987, hai cụ Th - V có khai phá được một mảnh đất có diện tích khoảng 1500m² bắm mặt đường NVL, Quốc lộ 4C đi ĐV có chiều dài khoảng 150m, chiều sâu đến giáp mép sông M tại tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, phía Bắc giáp đường NVL, phía Nam giáp sông M, tuy nhiên hai cụ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi hai cụ Th - V chết đều không để lại di chúc, đến năm 2000 bà Đàm Thị Nh kết hôn với ông Hoàng Tý Ng. 06 anh em trong gia đình có bàn bạc do ông Ng, em dâu bà Nh không có công việc làm có thu nhập ổn định, nên giao cho ông Ng, bà Nh canh tác trên diện tích đất trên để trồng cây hoa màu, rau để cải thiện đời sống gia đình. Đến năm 2017 ông Ng do mắc bệnh hiểm nghèo đã chết, phần diện tích đất đó bà Nh vẫn canh tác, sử dụng.

Năm 2021 ông Ch nhận uỷ quyền từ bà N, ông T, bà D, bà H1 để đi làm thủ tục đăng ký với cơ quan nhà có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình chờ cấp giấy chứng nhận, bà Nh có đơn gửi cơ quan chuyên môn đề yêu cầu ngừng cấp giấy chứng nhận với lý do mảnh đất trên là do bố mẹ chồng để lại cho bà Nh canh tác.

Ông Ch cho rằng bố mẹ chết không để lại di chúc nên diện tích đất do bố mẹ khai phá tại tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang là tài sản của tất cả anh chị em trong gia đình được hưởng thừa kế theo pháp luật. Ông Ch đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Đàm Thị Nh trình bày: Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất hiện đang tranh chấp, bà Nh xác nhận như ông Ch trình bày là đúng. Tuy nhiên bà Nh cho rằng từ khi kết hôn với ông Ng (năm 2000) đến nay, gia đình bà đã canh tác ổn định trên thửa đất này và được sự nhất

trí của các anh chị em bên nhà chồng, không tranh chấp với ai, do đó bà Nh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Ch về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất hiện đang tranh chấp. Bà Nh đề nghị công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất đó cho bà Nh, việc chia cho anh chị trong gia đình bà Nh sẽ tự quyết định.

Nguyên đơn, bị đơn nhất trí về diện tích đất tranh chấp theo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn xác định là 1736,7m², có biên bản thẩm định và sơ đồ hiện trạng khu đất kèm theo. Các đương sự thống nhất được giá trị của diện tích đất tranh chấp là 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*), trị giá tài sản trên đất là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị D cùng quan điểm với nguyên đơn ông Hoàng Mạnh Ch.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Thế H2 cùng quan điểm với bị đơn bà Đàm Thị Nh.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 611, Điều 613, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Mạnh Ch.

- (1) Ông Hoàng Mạnh Ch, (2) ông Hoàng Đức T, (3) bà Hoàng Thị N, (4) bà Hoàng Thị D, (5) bà Hoàng Thị H1 được thừa kế quyền sử dụng đất là 240m²/kỷ phần trên tổng phần diện tích đất 1.736,7m².

- Bà Đàm Thị Nh được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất là 536,7m² (Phía Đông: Giáp cống thoát nước; Phía Tây: Giáp cống thoát nước; + Phía Nam: Giáp sông M; + Phía Bắc: Giáp đường NVL Quốc lộ 4C đi ĐV).

- Thanh toán trả tiền cây cối trên đất: Ông Ch, ông T, bà N, bà D, bà H1 phải trả cho bà Nh là 10.000.000 đồng (Mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng).

Các ông Hoàng Mạnh Ch, ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị D, bà Hoàng Thị H1, bà Đàm Thị Nh có quyền liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/4/2023 và ngày 17/4/2023, nguyên đơn ông Hoàng Mạnh Ch và bị đơn bà Đàm Thị Nh có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Ông Hoàng Mạnh Ch đề nghị cấp phúc

thẩm chia lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất 1.736,7m² tại tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang do bố mẹ ông để lại, theo hướng chia đều cho 06 người con, mỗi người được hưởng 289,4m²; đồng thời xác định rõ vị trí đất của từng người được hưởng; bà Đàm Thị Nh đề nghị cấp phúc thẩm công nhận quyền sử dụng đất 1.736,7m² là di sản thừa kế do cụ Th và cụ V để lại cho vợ chồng bà Nh.

Ngày 27/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang ra quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/4/2023 đối với bản án dân sự số 07/2023/DS-ST ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nêu trên với lý do:

- + Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ trong việc xác định di sản thừa kế, nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất được chia thừa kế, điều kiện công nhận quyền sử dụng đất...;

- + Cấp sơ thẩm tuyên không đầy đủ về người thừa kế theo pháp luật đối với anh Hoàng Thế H2 đối với kỹ phần thừa kế của ông Hoàng Tý Ng;

- + Cấp sơ thẩm chia thừa kế quyền sử dụng đất nhưng không làm rõ ranh giới, không có sơ đồ thể hiện kích thước, vị trí, tứ cận thửa đất đối với các kỹ phần được chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Ch, bị đơn bà Nh giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm về vụ án: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự tại giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX), Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án nhân dân thành phố H chưa thu thập chứng cứ đầy đủ trong việc xác định di sản thừa kế, nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất được chia thừa kế, điều kiện công nhận quyền sử dụng đất...; Bản án sơ thẩm tuyên không đầy đủ về người thừa kế theo pháp luật đối với kỹ phần thừa kế của ông Hoàng Tý Ng thiếu anh Hoàng Thế H2 (con đẻ của ông Ng và bà Nh); chia thừa kế quyền sử dụng đất nhưng không làm rõ ranh giới, không có sơ đồ thể hiện kích thước, vị trí, tứ cận thửa đất đối với các kỹ phần được chia. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đã được cấp phúc thẩm khắc phục, bổ sung. Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Viện kiểm sát thay đổi nội dung kháng nghị từ hủy Bản án sơ thẩm sang sửa Bản án sơ thẩm và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Mạnh Ch và kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/02/2023 của VKSND tỉnh Hà Giang.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đàm Thị Nh.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-DT ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H theo hướng:

- Ông Hoàng Mạnh Ch (thửa đất 1.4), ông Hoàng Đức T (thửa 1.3), bà Hoàng Thị N (thửa 1.2), bà Hoàng Thị D (thửa 1.5), bà Hoàng Thị H1 (thửa 1.6): Mỗi người được hưởng di sản thừa kế là 260m²; Diện tích đất của các đồng thừa kế có tứ cận được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính.

- Chia cho bà Đàm Thị Nh và anh Hoàng Thế H2 (thửa đất số 1.1), diện tích đất là 436,7m² có tứ cận thể hiện trên bản đồ địa chính.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hoàng Mạnh Ch, ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị D, bà Hoàng Thị H1: Mỗi người trả 3.000.000đ cho bà Đàm Thị Nh.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Mạnh Ch, ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị D, bà Hoàng Thị H1 phải chịu án phí có giá ngạch 8.234.000đ. Ông Hoàng Mạnh Ch được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 51BB-21P 0000736 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân thành phố H. Ông Hoàng Mạnh Ch còn phải tiếp tục nộp 6.734.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đàm Thị Nh và anh Hoàng Thế H2 phải chịu án phí có giá ngạch 276.600.000đ x 5% = 13.830.000đ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Mạnh Ch, bà Đàm Thị Nh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Hoàng Mạnh Ch, bà Đàm Thị Nh: Số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục THADS thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Mạnh Ch, kháng cáo của bị đơn bà Đàm Thị Nh và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là trong hạn luật định. Vì vậy, kháng cáo của ông Ch, bà Nh và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang được Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) chấp nhận để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của những người liên quan đến việc kháng cáo gồm ông Hoàng Đức T và bà Hoàng Thị D: Ông T, bà D vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà D là ông Hoàng Mạnh Ch có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người liên quan đến việc kháng cáo.

[3] Đối với ông Hoàng Liên Sơn là người đã xác lập giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ các anh chị em trong gia đình ông Hoàng Mạnh Ch đối với diện tích đất hiện các đương sự đang tranh chấp, quá trình giải quyết vụ án và theo biên bản làm việc ngày 28/6/2023 tại cấp phúc thẩm, ông Sơn có quan điểm việc tranh chấp chia thừa kế của anh em ông Ch có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Tuy nhiên ông Sơn và anh em ông Ch sẽ tự giải quyết với nhau. Trường hợp không tự giải quyết được, sau này ông Sơn sẽ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác. Ông Sơn đề nghị Tòa án không đưa ông Sơn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Xét thấy: Ông Sơn không có yêu cầu độc lập đối với khoản tiền đã thanh toán cho anh em ông Ch và đề nghị Tòa án không đưa mình vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, do đó Tòa

án không đưa ông Sơn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không trái với quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của ông Hoàng Mạnh Ch:

[5] Về nguồn gốc diện tích đất có tranh chấp: Theo biên bản xác minh ngày 17/02/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố H và biên bản xác minh ngày 29/3/2023 tại phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H thì diện tích đất đang tranh chấp hiện chưa kê khai, chưa được cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, các nguyên đơn và bị đơn đều xác định diện tích đất đó có nguồn gốc của cụ Hoàng Thế Th và cụ Nguyễn Thị V (bố mẹ đẻ của nguyên đơn và chồng bị đơn) khai phá. Khi hai cụ chết không để lại di chúc. Hiện nay các hàng thừa kế của hai cụ đang tranh chấp về việc phân chia di sản này. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Ch giao nộp cho Tòa án các bản photo biên lai thu thuế từ năm 1994 đến năm 1999, có nội dung thể hiện người nộp thuế mang tên “*Hoàng Thế Th*”, loại đất để tính thuế là đất trồng cây lâu năm, để chứng minh về nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp là của bố mẹ ông và hàng năm có thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước trong việc sử dụng đất nông nghiệp.

[6] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành thu thập thêm một số tài liệu, chứng cứ để làm rõ về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp. Cụ thể:

[7] Tại biên bản xác minh ngày 26/6/2023 đối với ông Vũ Đức Q1 (sinh năm 1954, sinh sống tại tổ 8 phường Q từ năm 1973) - nguyên là cán bộ địa chính phường Q từ năm 1991 đến năm 2004, ông Q1 cho biết quá trình công tác ở phường, ông được phân công thu thuế đất của các hộ dân trên địa bàn phường. Ông Q1 xác nhận chữ viết và chữ ký trong 06 mẫu biên lai thu thuế từ năm 1994 đến năm 1999 của hộ gia đình cụ Hoàng Thế Th (do ông Ch giao nộp cho Tòa án) là của ông Q1 và các biên lai này là biên lai thu thuế đất nông nghiệp. Do trước đây dân cư khu vực đó thưa thớt, bản thân ông làm cán bộ địa chính phường nên nắm được địa chỉ của từng hộ dân trên địa bàn. Nhà ông các nhà hai cụ Th - V khoảng 2km. Về nguồn gốc đất của hai cụ Th - V tại tổ 06 phường Q, ông Q1 được biết do hai cụ mua lại của ông Ph, ông không biết rõ họ tên đầy đủ cũng như địa chỉ hiện nay của ông Ph. Ông Q1 biết rõ điều này vì thời điểm ông Ph ở, cạnh nhà ông Ph có 01 tổ mối rất to. Sau khi mua đất của ông Ph, gia đình cụ Th canh tác, cải tạo đất rất nhiều và dựng 01 ngôi nhà lá để ở. Diện tích đất còn lại rất nhiều, kéo dài dọc từ bờ sông, ranh giới đất giáp nhà bà Y. Trên diện tích đất trồng, gia đình cụ Th trồng màu (rau và các loại cây ăn quả ngắn ngày). Diện tích đất cụ thể của hai cụ thì ông không nắm được, chỉ biết chiều rộng bám theo hành lang đường rất dài, còn độ sâu giáp với bờ sông. Toàn bộ diện tích đất gia đình cụ Th sử dụng đều đóng thuế đất nông nghiệp, bao gồm diện tích đất hiện nay các con của hai cụ đang ở và diện tích đất hiện đang tranh chấp. Việc thu thuế này chỉ kéo dài đến năm 2000. Ngoài thuế đất nông nghiệp, gia đình cụ Th cũng đã nộp thuế đất ở, có biên lai thuế riêng.

[8] Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2023 đối với bà Phạm Thị D1, địa chỉ: Tổ 06 phường Q, thành phố H, bà D1 cho biết gia đình bà chuyển từ vùng cao về và sinh sống tại tổ 06 phường Q từ năm 1984 đến nay, được giao làm tổ trưởng tổ

này từ năm 2001 đến năm 2004. Bà D1 được nghe nói lại vợ chồng ông Thanh có mua đất của một người tên là Ph, bà không biết rõ họ tên đầy đủ hay địa chỉ của ông Ph và cũng không biết vợ chồng cụ Th mua một phần hay toàn bộ đất của ông Ph. Bà D1 chỉ nhớ gia đình cụ Th làm 01 ngôi nhà lợp lá cọ rất rộng, vị trí thì bà D1 không nhớ chính xác nhưng bà xác định chính là khu đất mà các con cụ Th đang làm nhà ở. Xung quanh khu vực đất ở, nhà cụ Th trồng cây chuối, na. Bà D1 xác nhận có được tham gia cuộc họp của các con cụ Th - V để chia đất nhưng là đất làm nhà, còn đất nông nghiệp bà D1 không nắm được.

[9] Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2023 đối với bà Hà Thị Tr, địa chỉ: Tổ 06 phường Q, thành phố H, bà Tr cho biết bà sinh sống tại tổ 06 phường Q từ năm 1987, được giao làm tổ trưởng tổ này từ năm 1999 đến năm 2013. Bà Tr xác nhận quá trình sử dụng đất như ông Q1 và bà D1 đã trình bày.

[10] Tại biên bản xác minh ngày 13/6/2023 tại UBND phường Q, bà Trần Thị Thanh H3 - công chức địa chính phường xác định diện tích đang tranh chấp theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 là sông suối thuộc thửa số 2; đất chưa sử dụng thuộc thửa số 3 và đất trồng cây hàng năm thuộc một phần thửa số 6a, tờ bản đồ số 37b (HN-72). Qua xem xét bản đồ địa chính năm 1997, nhận thấy trên các thửa đất nêu trên đều mang tên người sử dụng là “Th”.

[11] Tại biên bản làm việc hoà giải tranh chấp đất đai giữa bà Nh và ông Ch ngày 30/7/2021 tại UBND phường Q thể hiện: *“Qua xác minh và thu thập các tài liệu có liên quan như biên lai thu thuế, bản đồ địa chính cho thấy: Phần diện tích đang tranh chấp của ông Hoàng Thế Th nhận chuyển nhượng QSDĐ của ông Ph, chưa được cấp GCNQSDĐ”*.

[12] Như vậy có đủ cơ sở để xác định, diện tích đất 1.736,7m² hiện đang tranh chấp là di sản do cụ Th và cụ V để lại. Ông Hoàng Mạnh Ch là con ruột của cụ Th và cụ V do đó ông có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản này. Toà án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là tài sản thừa kế, thụ lý yêu cầu khởi kiện và giải quyết phân chia di sản theo đề nghị của nguyên đơn là có căn cứ.

[13] Các đương sự thống nhất về hàng thừa kế, về diện tích đất để phân chia, do đó xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Th, cụ V gồm 06 người con chung gồm: Ông Hoàng Đức T, ông Hoàng Mạnh Ch, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị D, ông Hoàng Tý Ng. Do ông Ng chết năm 2017, chết sau cụ Th, cụ V, ông Ng không có con riêng hoặc con nuôi hợp pháp nào khác nên xác định bị đơn bà Đàm Thị Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Thế H2 - con của ông Ng là hàng thừa kế thứ nhất của ông Ng.

[14] Căn cứ theo quy định của pháp luật, di sản thừa kế được chia thành 06 kỷ phần, cụ thể: $1.736,7\text{m}^2 : 6 = 289,45\text{m}^2/\text{kỷ phần}$.

[15] Tại phiên toà, ông Ch có quan điểm, 05 anh chị em trong gia đình thống nhất chia đều diện tích tranh chấp, mỗi người nhất trí trích lại 20m²/kỷ phần để nhường lại cho bà Nh và anh H2 sử dụng vì gia đình bà Nh có công giữ gìn, canh tác trên đất từ ngày bà Nh về làm dâu đến nay. Theo đó, ông Ch, ông T, bà N, bà D, bà H1 mỗi người được hưởng $289,45\text{m}^2 - 20\text{m}^2 = 269,45\text{m}^2$, phần diện tích còn

lại bà Nh và anh H2 được quyền quản lý, sử dụng. Xét thấy đề nghị này là tự nguyện, HĐXX chấp nhận.

[16] Tuy nhiên, xét về công sức gìn giữ, cải tạo đất, cả nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định, sau khi vợ chồng ông Ng, bà Nh kết hôn, diện tích đất đang tranh chấp được giao cho gia đình ông Ng, bà Nh sử dụng. Từ khi được giao đất đến nay, vợ chồng bà Nh canh tác, trồng cây, cải tạo đất và sử dụng liên tục. Sau khi ông Ng chết, bà Nh vẫn tiếp tục canh tác và giữ gìn đất là di sản mà hai cụ Th - V để lại, không làm thay đổi hiện trạng, không chuyển nhượng hay thực hiện những giao dịch không hợp pháp khác để thu lợi riêng. Do đó, việc chia cho 05 người gồm ông Ch, ông T, bà N, bà D, bà H1 mỗi người được hưởng 260m^2 , bà Nh và anh H2 được hưởng $1.736,7\text{m}^2 - 260\text{m}^2 \times 5 = 436,7\text{m}^2$ là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, ý chí của các anh chị em trong gia đình ông Ch và công sức gìn giữ, cải tạo đất của gia đình bà Nh, đảm bảo cơ bản quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[17] Ông Ch kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm chưa xác định rõ vị trí đất của từng người được hưởng. Xét thấy cấp sơ thẩm chia thừa kế quyền sử dụng đất nhưng không làm rõ ranh giới, không có sơ đồ thể hiện kích thước, vị trí, tứ cận thửa đất đối với các kỷ phần được chia, gây khó khăn trong việc thi hành án sau này. Xét thấy đây là thiếu sót của cấp sơ thẩm mà cấp phúc thẩm cần phải khắc phục. Vì vậy kháng cáo của ông Ch là có căn cứ cần được chấp nhận.

[18] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đàm Thị Nh: Về nguồn gốc, bà Nh thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp là của bố mẹ chồng bà là cụ Th và cụ V để lại. Bà Nh cho rằng diện tích đất này hai cụ cho riêng hai vợ chồng bà, và sau khi hai cụ Th - V chết, các anh chị em bên chồng bà cũng thống nhất giao lại thửa đất đó cho vợ chồng bà Nh tiếp tục sử dụng từ năm 2000 đến nay. Tuy nhiên bà Nh không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh diện tích đất đang tranh chấp do hai cụ Th - V tặng cho riêng vợ chồng bà, đồng thời, khi bà về làm dâu thì hai cụ Th - V đã chết.

[19] Trong biên bản thống nhất chia tài sản ngày 09/10/2000 (bản photo) do bà Nh giao nộp từ cấp sơ thẩm và bản gốc biên bản này bà Nh xuất trình tại phiên toà phúc thẩm không thể hiện diện tích đất đang tranh chấp đã được chia thừa kế và thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng bà Nh. Bà Nh thừa nhận trong nội dung biên bản đó anh em chồng bà có chia đất nhưng là đất ở, không phải là chia diện tích đất đang tranh chấp. Tại phiên toà, ông Ch và các anh chị em đều xác nhận việc thoả thuận chia đất đối với dải đất giáp sông M là có thật, tuy nhiên chỉ là chia đất để các anh chị em làm nhà ở, vườn tược trong phạm vi đất ở, ngoài ra chưa chia diện tích đất tranh chấp là đất nông nghiệp. Điều này cũng phù hợp với nội dung tại các biên bản xác minh ngày 22/6/2023 đối với bà Hà Thị Tr và bà Phạm Thị D1. Theo đó, bà Tr trình bày *“Tôi có nhớ trước đây những người con của ông Thanh thoả thuận chia đất, tôi cũng được tham gia chứng kiến, nhưng là chia diện tích đất con ông Thanh ở, chia đất ở chứ không phải chia diện tích đất đang tranh chấp”*. Bà D1 cũng cho biết *“Tôi có nhớ trước đây tôi có một lần được anh Chuân, anh Tiến và những người con của ông Thanh mời tham gia chứng kiến*

các anh chị đó thoả thuận chia đất để làm nhà, còn đất mà hiện nay các anh chị là con ông Thanh tranh chấp thì tôi không biết”.

[20] Các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án chỉ thể hiện vợ chồng bà Nh, ông Ng có canh tác, thu lợi trên diện tích đất hiện đang tranh chấp. Do đó, kháng cáo của bà Nh đề nghị HĐXX công nhận cho bà được toàn quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 1.736,7m² đang tranh chấp là không có căn cứ để chấp nhận. Toà án chỉ xem xét về công sức đóng góp trong việc gìn giữ, cải tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất (gọi tắt là QSDĐ) khi chia thừa kế cho bà và anh H2 là những người thừa kế của ông Ng để nhận kỷ phần mà hai cụ Th - V để lại.

[21] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Theo quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm với các lý do như Toà án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ trong việc xác định di sản thừa kế, nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất được chia thừa kế, điều kiện công nhận quyền sử dụng đất..., không làm rõ ranh giới, không có sơ đồ thể hiện kích thước, vị trí, tứ cận thửa đất đối với các kỷ phần được chia; tuyên không đầy đủ về người thừa kế theo pháp luật đối với kỷ phần thừa kế của ông Hoàng Tý Ng. Tại phiên toà, nhận thấy Toà án cấp phúc thẩm đã thu thập bổ sung thêm một số tài liệu, chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Những thiếu sót của Toà án cấp sơ thẩm đã được khắc phục, cấp phúc thẩm có thể sửa chữa được, vì vậy việc huỷ bản án sơ thẩm là không cần thiết. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thay đổi kháng nghị, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Tuyên bố sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Thế H2 là người thừa kế của ông Hoàng Tý Ng được hưởng di sản thừa kế của hai cụ Th - V để lại. Theo đó, bà Nh và anh H2 cùng được hưởng một suất thừa kế theo pháp luật, có quyền ngang nhau đối với phần thừa kế được chia. Đồng thời, xác định rõ ranh giới, vị trí, kích thước, tứ cận thửa đất đối với từng kỷ phần được chia và xác định lại án phí mà các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát về việc sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận.

[22] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của ông Hoàng Mạnh Ch và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn bà Đàm Thị Nh là không có căn cứ để chấp nhận.

[23] Tại cấp phúc thẩm, Toà án đã tiến hành làm việc với Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố H và phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H để xác định diện tích đất tranh chấp có đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ hay không. Tại mục 2 Công văn số 1568/UBND-TNMT ngày 29/6/2023 của UBND thành phố H xác định diện tích đất đang tranh chấp **không vi phạm** quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của thành phố H. Việc lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cần phải đảm bảo theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Căn cứ vào mảnh trích đo địa chính ngày 05/7/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố H, HĐXX xác định vị trí đất mà những người thừa kế được quyền sử dụng như sau:

1. Vị trí đất của bà Nh và anh H2 được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.1 có diện tích 436,7m², có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C;
- Phía Nam giáp sông M;
- Phía Đông giáp rãnh thoát nước;
- Phía Tây giáp đất của bà Hoàng Thị N được chia.

2. Vị trí đất của bà Hoàng Thị N được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.2 có diện tích 260m², có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C;
- Phía Nam giáp sông M;
- Phía Đông giáp đất của bà Nh và anh H2 được chia;
- Phía Tây giáp đất của ông Hoàng Đức T được chia.

3. Vị trí đất của ông Hoàng Đức T được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.3 có diện tích 260m², có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C;
- Phía Nam giáp sông M;
- Phía Đông giáp đất của bà Hoàng Thị N được chia;
- Phía Tây giáp đất của ông Hoàng Mạnh Ch được chia .

4. Vị trí đất của ông Hoàng Mạnh Ch được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.4 có diện tích 260m², có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C;
- Phía Nam giáp sông M;
- Phía Đông giáp đất của ông Hoàng Đức T được chia;
- Phía Tây giáp đất của bà Hoàng Thị D được chia.

5. Vị trí đất của bà D được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.5 có diện tích 260m², có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C;
- Phía Nam giáp sông M;
- Phía Đông giáp đất của ông Hoàng Mạnh Ch được chia;
- Phía Tây giáp đất của bà Hoàng Thị H1 được chia.

6. Vị trí đất của bà Hoàng Thị H1 được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.6 có diện tích 260m², có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C;
- Phía Nam giáp sông M;
- Phía Đông giáp đất của bà Hoàng Thị D được chia;
- Phía Tây giáp rãnh thoát nước.

[24] Đối với phần giá trị tài sản trên đất, các đương sự đã thống nhất toàn bộ tài sản trên diện tích đất là các cây cối do bà Nh trồng có tổng giá trị là 15.000.000đ. Tại phiên tòa ông Ch và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông T, bà H1, bà N, bà D không yêu cầu bà Nh phải di dời tài sản trên phần đất ông Ch, ông T, bà H1, bà N, bà D được chia mà nhất trí thanh toán số tiền cây cối trên đất cho bà Nh là 15.000.000 đồng, mỗi người phải trả cho bà Nh 3.000.000đ để tiếp tục quản lý, sử dụng các tài sản thuộc phạm vi ranh giới đất các ông bà được chia. Xét thấy việc thanh toán này của ông Ch, ông T, bà H1, bà N, bà D là hoàn toàn tự nguyện, bà Nh không có ý kiến gì. Vì vậy HĐXX chấp nhận.

[25] Về chi phí thẩm định không có kháng cáo, kháng nghị. Vì vậy HĐXX phúc thẩm không xem xét giải quyết. Nội dung này của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, HĐXX giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm về chi phí thẩm định.

[26] Về án phí sơ thẩm: Do cấp phúc thẩm xác định lại diện tích đất mà mỗi người thừa kế được hưởng nên cần xác định lại án phí sơ thẩm có giá ngạch. Theo đó, ông Hoàng Mạnh Ch, ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị D, bà Hoàng Thị H1 được chia 260m² trên tổng diện tích đất 1.736,7m² (có tổng giá trị do các đương sự thống nhất là 1.100.000.000đ), tương ứng với giá trị là 164.680.000đ (*Một trăm sáu mươi tư triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*). Theo quy định tại điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1, phần II tại danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (gọi tắt là Nghị quyết số 326) thì mỗi người phải chịu 5% án phí đối với giá trị tài sản được hưởng, tương ứng là 8.234.000đ (*Tám triệu hai trăm ba mươi tư nghìn đồng*).

[27] Bà Đàm Thị Nh và anh Hoàng Thế H2 được chia 436,7m² trên tổng diện tích đất 1.736,7m², tương ứng với giá trị là 276.599.300đ (*Hai trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm chín mươi chín nghìn ba trăm đồng*). Theo quy định tại điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1, phần II tại danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326, bà Nh và anh H2 phải chịu 5% án phí đối với giá trị tài sản được hưởng, tương ứng là 13.830.000đ (*Mười ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*).

[28] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Mạnh Ch và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang; không chấp nhận kháng cáo của bà Đàm Thị Nh.

Sửa bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang như sau:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, Điều 613,

Điều 649, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Mạnh Ch.

1. Ông Hoàng Mạnh Ch, ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị D, bà Hoàng Thị H1 được thừa kế quyền sử dụng đất là 260m²/kỷ phần trên tổng diện tích đất 1.736,7m² có địa chỉ tại tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Cụ thể:

* Vị trí đất của bà Hoàng Thị N được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.2, gồm các điểm từ C11, C12, C13, C14, C18, C19, C20 khép về C11, có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C, có chiều rộng theo đường gấp khúc từ điểm C18 đến C20 là 18,92m, trong đó: Từ điểm C18 đến C19 là 14,71m, từ điểm C19 đến C20 là 4,21m;

- Phía Nam giáp sông M, có chiều rộng theo đường gấp khúc từ điểm C11 đến C14 là 19,38m, trong đó: Từ điểm C11 đến C12 là 4,47m, từ điểm C12 đến C13 là 13,10m, từ điểm C13 đến C14 là 1,81m;

- Phía Đông giáp đất của bà Đàm Thị Nh và anh Hoàng Thế H2 được chia, có chiều rộng từ điểm C14 đến C18 là 15,42m;

- Phía Tây giáp đất của ông Hoàng Đức T được chia, có chiều rộng từ điểm C11 đến C20 là 11,55m.

* Vị trí đất của ông Hoàng Đức T được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.3, gồm các điểm từ C9, C10, C11, C20, C21 khép về C9, có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C, có chiều rộng từ điểm C20 đến C21 là 26,13m;

- Phía Nam giáp sông M, có chiều rộng theo đường gấp khúc từ điểm C9 đến C11 là 26,78m, trong đó: Từ điểm C9 đến C10 là 9,93m, từ điểm C10 đến C11 là 16,85m;

- Phía Đông giáp đất của bà Hoàng Thị N được chia, có chiều rộng từ điểm C11 đến C20 là 11,55m;

- Phía Tây giáp đất của ông Hoàng Mạnh Ch được chia, có chiều rộng từ điểm C9 đến C21 là 11,30m .

* Vị trí đất của ông Hoàng Mạnh Ch được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.4, gồm các điểm từ C7, C8, C9, C21, C22, C23 khép về C7, có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C, có chiều rộng theo đường gấp khúc từ điểm C21 đến C23 là 20,37m, trong đó: Từ điểm C21 đến C22 là 4,32m, từ điểm C22 đến C23 là 16,05m;

- Phía Nam giáp sông M, có chiều rộng theo đường gấp khúc từ điểm C7 đến C9 là 20,95m, trong đó: Từ điểm C7 đến C8 là 14,21m, từ điểm C8 đến C9 là 6,74m;

- Phía Đông giáp đất của ông Hoàng Đức T được chia, có chiều rộng từ điểm C9 đến C21 là 11,30m;

- Phía Tây giáp đất của bà Hoàng Thị D được chia, có chiều rộng từ điểm C7 đến C23 là 13,63m.

* Vị trí đất của bà Hoàng Thị D được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.5, gồm các điểm từ C3, C4, C5, C6, C7, C23, C24 khép về C3, có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C, có chiều rộng từ điểm C23 đến C24 là 21,65m;

- Phía Nam giáp sông M, có chiều rộng theo đường gấp khúc từ điểm C3 đến C7 là 22,18m, trong đó: Từ điểm C3 đến C4 là 4,45m, từ điểm C4 đến C5 là 9,94m, từ điểm C5 đến C6 là 5,87m, từ điểm C6 đến C7 là 1,92m;

- Phía Đông giáp đất của ông Hoàng Mạnh Ch được chia, có chiều rộng từ điểm C7 đến C23 là 13,63m;

- Phía Tây giáp đất của bà Hoàng Thị H1 được chia, có chiều rộng từ điểm C3 đến C25 là 10,25m.

* Vị trí đất của bà Hoàng Thị H1 được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.6, gồm các điểm từ C1, C2, C3, C25 khép về C1, có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C, có chiều rộng từ điểm C1 đến C25 là 25,95m;

- Phía Nam giáp sông M, có chiều rộng từ điểm C2 đến C3 là 22,91m;

- Phía Đông giáp đất của bà Hoàng Thị D được chia, có chiều rộng từ điểm C3 đến C25 là 10,25m;

- Phía Tây giáp rãnh thoát nước, có chiều rộng từ điểm C1 đến C2 là 11,34m.

2. Bà Đàm Thị Nh và anh Hoàng Thế H2 được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất là 436,7m² trên tổng diện tích đất 1.736,7m² có địa chỉ tại tổ 06, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vị trí đất của bà Nh và anh H2 được quyền quản lý, sử dụng tại thửa số 1.1, gồm các điểm từ C14, C15, C16, C17, C18 khép về C14, có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường NVL Quốc lộ 4C, có chiều rộng từ điểm C17 đến C18 là 34,64m;

- Phía Nam giáp sông M, có chiều rộng theo đường gấp khúc từ điểm C14 đến C16 là 35,15m, trong đó: Từ điểm C14 đến C15 là 9,92m, từ điểm C15 đến C16 là 25,23m;

- Phía Đông giáp rãnh thoát nước, có chiều rộng từ điểm C16 đến C17 là 11,35m;

- Phía Tây giáp đất của bà Hoàng Thị N được chia, có chiều rộng từ điểm C14 đến C18 là 15,42m.

(Có sơ đồ trích đo chi tiết kèm theo)

Các ông Hoàng Mạnh Ch, ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị D, bà Hoàng Thị H1, bà Đàm Thị Nh và anh Hoàng Thế H2 có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Thanh toán giá trị cây cối trên đất:

Công nhận sự tự nguyện thanh toán số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) là giá trị cây cối là tài sản trên diện tích đất 1.736,7m² (do bà Đàm Thị Nh trồng) của các ông Hoàng Mạnh Ch, ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị D, bà Hoàng Thị H1. Theo đó, ông Ch, ông T, bà N, bà D, bà H1 mỗi người phải trả cho bà Nh là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Ông Ch, ông T, bà N, bà D, bà H1 được quyền quản lý, sử dụng đối với các tài sản trên đất trên diện tích đất được chia; bà Nh không được chặt phá, di dời hoặc làm thay đổi hiện trạng đối với những cây cối trên đất đã chia cho người khác không thuộc phạm vi ranh giới quyền sử dụng đất bà Nh được chia.

4. Về chi phí thẩm định: Nội dung này của bản án sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm:

Các ông Hoàng Mạnh Ch, ông Hoàng Đức T, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị D, bà Hoàng Thị H1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.234.000đ (*Tám triệu hai trăm ba tư nghìn đồng chẵn*).

Ông Ch đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 1.500.000 đồng theo biên lai số 0000736 ngày 13/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H nên được khấu trừ. Do vậy ông Ch tiếp tục phải nộp số tiền 6.734.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm ba tư nghìn đồng chẵn*).

Bà Đàm Thị Nh và anh Hoàng Thế H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.830.000đ (*Mười ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*).

5.2. Án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Mạnh Ch, bà Đàm Thị Nh không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trả lại cho ông Hoàng Mạnh Ch số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000944 ngày 21/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H;

Trả lại cho bà Đàm Thị Nh số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000943 ngày 20/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS TP. H;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Kim Quy